

2. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước đã thảo luận và thông qua Pháp lệnh bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia.

3. Sau khi nghe Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền, thay mặt Hội đồng bộ trưởng, báo cáo về kết quả chỉnh lý dự thảo phần chung của Bộ luật hình sự trên cơ sở nghiên cứu ý kiến đóng góp của các đoàn đại biểu Quốc hội và các cấp, các ngành, Hội đồng Nhà nước đã thảo luận và đề xuất một số ý kiến đề Hội đồng bộ trưởng hoàn chỉnh dự thảo, trình Quốc hội thông qua sơ bộ trong kỳ họp sắp tới.

4. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước đã quyết định thành lập Ủy ban hợp tác kinh tế, văn hóa với Lào và Cam-pu-chia thuộc Hội đồng bộ trưởng, và cử đồng chí Đặng Thí giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban này.

5. Theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Nhà nước đã quyết định cử một số kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ QUYẾT số 187 - HĐBT
ngày 22-11-1982 về việc đẩy mạnh thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều.

Từ năm 1978, sau khi ban hành bản quy định tạm thời của Hội đồng Chính phủ về chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều (số 65-CP ngày 23 tháng 3 năm 1978), nhiều địa phương đã tích cực thực hiện và đã thu được kết quả rõ rệt. Các địa phương khác mới triển khai ở một số khu vực

lượng thực, cây công nghiệp, muối, cá, v.v...

Từ giữa năm 1980 lại đây, việc thực hiện hợp đồng hai chiều có phần lơ lửng. Tình hình này do nhiều nguyên nhân:

1. Lực lượng vật tư, hàng hóa của Nhà nước giảm sút, việc phân phối lại không bảo đảm cung ứng đến tay người sản xuất theo đúng hợp đồng đã ký, còn để lọt không ít vào tay bọn đầu cơ, lợi dụng. Vì vậy, trong cán bộ và quần chúng nảy sinh thái độ chần chừ, không muốn ký hợp đồng hai chiều.

2. Kế hoạch Nhà nước thường là chưa được xây dựng từ cơ sở lên, nhiều chỉ tiêu kế hoạch về cung ứng vật tư và thu mua giao cho địa phương và cơ sở không đồng bộ, không hiện thực. Chính sách thu mua, giá cả cũng còn một số điểm chưa thật phù hợp.

3. Một số ngành và địa phương chưa nhận thức đúng ý nghĩa của chế độ hợp đồng hai chiều, chưa quyết tâm thực hiện. Một số địa phương thiên về cách chỉ đạo mua bán theo cơ chế thị trường (mua cao bán cao), cho hợp đồng hai chiều là gò bó, không thích hợp. Một số địa phương khác thì y lại vào chế độ nghĩa vụ về lương thực, thực phẩm.

4. Tổ chức bảo đảm thực hiện từ trên xuống dưới chưa chuyên biến kịp với yêu cầu của hợp đồng hai chiều. Sự hiệp đồng giữa các ngành thu mua với các ngành cung ứng vật tư hàng hóa còn nhiều vướng mắc. Việc tranh mua, tranh bán giữa các tổ chức kinh tế, các ngành, các địa phương, đã làm rối loạn và thu hẹp thị trường có tổ chức. Bộ máy của huyện chưa được tăng cường để đủ sức chỉ đạo, tổ chức sự hiệp đồng giữa các tổ chức cung ứng và các tổ chức thu mua trên địa bàn huyện.

5. Công tác quản lý thị trường bị buông lỏng, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa

đối với nông nghiệp và đối với công thương nghiệp ở miền Nam tiến hành chậm đã ảnh hưởng không ít đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng hai chiều.

Các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp cần liên hệ kiểm điểm trong ngành và địa phương mình, có biện pháp khắc phục khuyết điểm, nhược điểm, đẩy mạnh việc thực hiện chế độ hợp đồng hai chiều.

Đặc biệt, cần làm tốt công tác tư tưởng trong cán bộ và quần chúng, làm cho mọi người thông suốt về quan điểm để có quyết tâm thực hiện.

Cần làm cho mọi người nhận rõ trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay, hợp đồng hai chiều:

1. Là hình thức vận dụng có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế nhằm làm cho Nhà nước nắm được sản phẩm hàng hóa của kinh tế tập thể và cá thể, đồng thời phục vụ tốt sản xuất.

2. Là phương thức thu mua có lợi nhất đối với người sản xuất cũng như đối với Nhà nước.

3. Là biện pháp có hiệu lực nhằm ổn định thị trường và giá cả.

4. Và là phương thức kế hoạch hóa thích hợp nhất đối với các thành phần kinh tế tập thể và cá thể.

Kinh nghiệm nhiều năm cung ứng vật tư theo lối bao cấp cho mỗi đơn vị diện tích gieo trồng (và cung ứng hàng tiêu dùng thiết yếu cũng theo lối bao cấp — theo đầu dân cư) chẳng những không làm cho Nhà nước nắm chắc được nguồn hàng mà cũng không thúc đẩy người sản xuất cân nhắc hiệu quả đầu tư, quan tâm đến thâm canh và áp dụng kỹ thuật mới. Mấy năm qua, áp dụng phương thức thu mua gắn với cung ứng vật tư hàng hóa đã làm chuyển biến tình hình một cách rõ rệt.

Vật tư hàng hóa của Nhà nước có hạn thì càng cần phải phân phối một cách có

trọng điểm, gắn chặt cung ứng với thu mua.

Trước đây, khi chưa gắn mua với bán xem như một thẻ chế thì một bộ phận khá lớn vật tư hàng hóa của Nhà nước lọt vào tay những phần tử đầu cơ, lợi dụng. Ngay trong số nông dân mua được vật tư hàng hóa của Nhà nước cũng có tình trạng không công bằng, người mua được nhiều không nhất định là người đã bán nhiều cho Nhà nước và ngược lại. Do chỗ nguyên tắc phân phối theo lao động bị vi phạm, cho nên đã không kích thích được nông dân bán sản phẩm cho Nhà nước ngày càng nhiều. Những người vì ý thức nghĩa vụ mà bán nhiều cho Nhà nước thì không phần khởi sản xuất vì không được Nhà nước đầu tư trở lại một cách thích đáng.

Nhà nước mua tuyệt đại bộ phận sản phẩm hàng hóa của nông, lâm, ngư nghiệp theo giá chỉ đạo và bán vật tư và hàng tiêu dùng thiết yếu cho người sản xuất cũng theo giá chỉ đạo là nhân tố quyết định để ổn định thị trường và giá cả, và là một bảo đảm vững chắc cho lợi ích của người sản xuất tập thể và cá thể cũng như lợi ích của Nhà nước, tránh cho cả hai bên những thiệt hại do sự biến động của giá cả thị trường gây ra. Kinh nghiệm của nước ta cũng như của nhiều nước xã hội chủ nghĩa đều chứng minh rằng đi theo con đường của thị trường tự do thì nông dân sẽ ngày càng phân hóa, thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa sẽ ngày càng lấn tới. Gắn việc cung ứng vật tư, hàng hóa với việc thu mua sản phẩm là một biện pháp có hiệu lực nhằm thu hút nông dân đi vào thị trường có tổ chức, thắt chặt liên minh công nông, thúc đẩy việc xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Hợp đồng hai chiều một khi được thực hiện thành nền nếp thường xuyên, bao quát mọi quan hệ trao đổi chủ yếu giữa Nhà nước và nông dân, giữa công nghiệp và nông nghiệp, thì điều đó cũng có nghĩa

là kế hoạch hóa từ cơ sở (cả sản xuất lẫn lưu thông) được thực hiện.

Một mặt, chúng ta phải thông qua hợp đồng hai chiều để bảo đảm cả lợi ích của nông dân, cả lợi ích của Nhà nước, mặt khác, phải không ngừng chăm lo bồi dưỡng cho nông dân ý chí cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, mà biểu hiện quan trọng là ý thức nghĩa vụ bán nông sản cho Nhà nước để góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đối với khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa trong một bộ phận nông dân, phải kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, bằng giáo dục thuyết phục, và nếu cần thì bằng những biện pháp hành chính thích hợp. Các biện pháp này phải được tiến hành kết hợp với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, trong đó, biện pháp kinh tế (hợp đồng hai chiều) là biện pháp cơ bản.

Với những ý nghĩa như trên, cần triển khai phương thức thu mua theo hợp đồng hai chiều trên địa bàn cả nước, đối với tất cả các sản phẩm chủ yếu của kinh tế tập thể và cá thể, nhanh chóng làm cho phương thức thu mua này trở thành phương thức chủ yếu để thu mua đồng thời phục vụ sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển. Dù cho công việc này đòi hỏi phải khắc phục khá nhiều khó khăn, phức tạp, nhất là về mặt tổ chức thực hiện, cũng phải quyết tâm làm, không vì những khó khăn đó mà trở lại những cách làm dễ dãi như buông trôi theo cơ chế thị trường hoặc giao chỉ tiêu nghĩa vụ theo lối hành chính, mệnh lệnh.

II

Dưới đây là những chủ trương, biện pháp cụ thể.

A. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG, THẺ THỨC KÝ VÀ THANH TOÁN HỢP ĐỒNG, BIỆN PHÁP XỬ LÝ CÁC VỤ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Những loại hàng đưa vào hợp đồng hai chiều.

a) Về phía người sản xuất (bao gồm các hợp tác xã sản xuất, tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất và những hộ gia đình xã viên, những hộ nông dân cá thể được tổ chức lại dưới những hình thức thích hợp để đặt quan hệ hợp đồng kinh tế với Nhà nước, chủ yếu là thông qua các hợp tác xã mua bán):

— Các loại sản phẩm của kinh tế tập thể bán cho Nhà nước theo nghĩa vụ, theo kế hoạch hoặc theo hợp đồng.

— Các loại sản phẩm của kinh tế gia đình xã viên và của kinh tế cá thể mà Nhà nước cần mua, nông dân đăng ký bán theo hợp đồng hai chiều, thông qua hợp tác xã nông nghiệp hay hợp tác xã mua bán xã.

— Cả hai loại sản phẩm nói trên, tuy không có kế hoạch trước, nhưng đến thời vụ thu mua, nông dân muốn bán cho Nhà nước theo điều kiện của hợp đồng hai chiều thì Nhà nước cũng chấp thuận.

b) Về phía các tổ chức thu mua của Nhà nước.

Nhà nước đưa vào hợp đồng hai chiều các loại tư liệu sản xuất, lương thực, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng thiết yếu và các loại dịch vụ kỹ thuật (như cây bừa máy, bơm nước, xay sát, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng và gia súc, thiết kế và thi công các công trình xây dựng. v.v...).

Tư liệu sản xuất: đối với phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu, về nguyên tắc, không phân phối (bán) nhất loạt cho mỗi đơn vị diện tích gieo trồng theo định mức kinh tế kỹ thuật như trước đây, mà phân phối theo đầu tấn sản phẩm bán cho Nhà nước. (Ngành nông nghiệp vẫn hướng dẫn, chỉ đạo nông dân gieo trồng theo các định mức kinh tế kỹ thuật cần thiết, nhưng để

có được những vật tư kỹ thuật theo các định mức ấy, người sản xuất phải thông qua hợp đồng hai chiều ký với các tổ chức thu mua).

— Phân bón hóa học (đạm, lân, ka-li), vôi, phân hữu cơ (ở những vành đai quanh thành phố).

— Thuốc trừ sâu, ngoài những loại thuốc đặc trị dành để sử dụng tập trung chống sâu rầy, dịch bệnh đột xuất xảy ra, do cơ quan chuyên môn quản lý, còn những loại thuốc thông dụng đều đưa vào hợp đồng theo yêu cầu thực tế của sản xuất từng loại cây trồng. Cần triển khai rộng rãi hình thức tiên tiến hơn, các trạm bảo vệ thực vật nhận khoán việc trừ sâu bệnh cho cả một vùng và đến vụ thu hoạch, được thanh toán bằng sản phẩm.

Ở một số vùng trồng cây lương thực nhưng sản xuất chỉ bảo đảm đủ ăn với mức thấp, được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xác nhận, thì Nhà nước dành một phần phân bón, thuốc trừ sâu để bán (theo giá chỉ đạo) mà không yêu cầu mua lại lương thực; mức bán không quá 50kg SA tiêu chuẩn cho 1 héc ta gieo trồng lương thực. Số vật tư dành cho nhu cầu này phải được kế hoạch hóa riêng, tách khỏi quỹ vật tư dành cho thu mua.

— Xăng dầu chủ yếu phân phối cho các trạm và tổ hợp máy kéo và máy nông nghiệp, các trạm bơm, các cơ sở xay xát, chế biến (quốc doanh và tập thể) để ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với các đơn vị sản xuất nông nghiệp, lấy công bằng hiện vật (lúa hay nông sản khác). Chỉ cung ứng trực tiếp theo hợp đồng hai chiều cho những đơn vị và người sản xuất có máy riêng dùng trong sản xuất và chế biến sản phẩm, đến mùa thu hoạch sẽ trả bằng hiện vật. Trường hợp nông dân yêu cầu, Nhà nước cũng có thể phân phối trực tiếp cho họ số xăng dầu dùng để cày ruộng, để họ tự mình trao số xăng dầu này cho tổ hợp máy kéo nào làm đất cho họ.

Ngoài những vật tư chủ yếu nêu trên, còn đưa vào hợp đồng các loại hạt giống, cây giống, con giống, thức ăn gia súc (đề mua lợn), than để sản xuất gạch ngói hay sấy sản phẩm.

Đối với các ngành sản xuất khác, đưa vào hợp đồng các loại tư liệu sản xuất chuyên dùng cho từng ngành, nghề.

Lương thực chỉ cung ứng cho những nơi không sản xuất lương thực hoặc thiếu lương thực (những vùng chuyên trồng rau, chuyên trồng cây công nghiệp, người làm nghề cá, nghề muối, v.v...). Không cung ứng theo nhân khẩu mà theo đầu tấn sản phẩm bán cho Nhà nước. Mức cung ứng tối đa không vượt quá nhu cầu tiêu dùng của bản thân người lao động và gia đình họ.

Vật liệu xây dựng bao gồm gỗ, xi-măng, sắt thép, gạch, ngói, chất lợp (phibrô xi-măng, tôn múi...), cấu kiện bê-tông đúc sẵn, v.v... Mở rộng hình thức thầu xây dựng theo lối chia khóa trao tay ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, nông dân thanh toán bằng sản phẩm (về việc này cần ký hợp đồng dài hạn).

Hàng tiêu dùng, trừ thuốc bệnh, giấy học sinh, muối, những loại hàng nhật dụng thông thường và những loại hàng Nhà nước chủ trương bán bình thường hoặc bán theo giá cao ở các cửa hàng, còn các loại hàng thiết yếu khác đều có thể đưa vào hợp đồng hai chiều dưới hình thức trao đổi theo tỷ lệ do Nhà nước quy định, hoặc dưới hình thức gán mua với bán theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Danh mục các loại hàng này tùy theo nhu cầu của từng vùng mà định. Ở những nơi nông dân chưa có nhu cầu nhiều về vật tư nông nghiệp (vì chưa dùng nhiều phân bón hóa học, tự làm đất bằng phương tiện của mình và dựa vào nước trời là chính) thì vật tư xây dựng và hàng tiêu dùng có vai trò đặc biệt quan trọng.

Điều quan trọng là ở chỗ tổ chức phân phối như thế nào để các loại hàng này thực

sự đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người mua, mà không biến thành đối tượng đầu cơ, tích trữ, mua đi bán lại. Hợp tác xã mua bán xã cần được củng cố để đảm đương nhiệm vụ này. Hàng năm, các ngành thu mua phải tìm hiểu, xác định nhu cầu của người sản xuất ở từng vùng để có kế hoạch chuẩn bị lực lượng hàng hóa thích hợp, bao gồm cả hàng trung ương đưa về và hàng do địa phương khai thác.

Đối với những mặt hàng quý, hiếm, không đủ để bán theo đầu tấ sản phẩm, thì dành để bán thương cho những người thực hiện tốt kế hoạch bán sản phẩm cho Nhà nước.

Dựa vào phương hướng phân phối các loại vật tư, hàng hóa trên đây, các ngành, các địa phương xác định danh mục cụ thể những vật tư, hàng hóa dành cho thu mua từng loại sản phẩm.

2. Căn cứ vào yêu cầu thực tế của sản xuất theo những định mức kinh tế kỹ thuật do các ngành quản lý sản xuất đề ra, và căn cứ vào khả năng cung ứng của Nhà nước trong thời gian tới, Hội đồng bộ trưởng ban hành kèm theo bảng định mức vật tư hàng hóa cung ứng theo đầu tấ sản phẩm bán cho Nhà nước. Bảng định mức này mới chỉ đề cập đến một số nông sản chủ yếu. Định mức cung ứng vật tư hàng hóa áp dụng cho các sản phẩm khác như sản phẩm nghề cá, nghề rừng, nghề muối, v.v... do các Bộ chủ quản nghiên cứu trình Hội đồng bộ trưởng ban hành. Những định mức này là cơ sở cho việc kế hoạch hóa quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua. Các ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có thể vận dụng những định mức này cho phù hợp với tình hình cụ thể ở từng địa phương, nhưng không được làm đảo lộn những quan hệ tỷ lệ cơ bản do Hội đồng bộ trưởng quy định. Đối với những sản phẩm đòi hỏi chất lượng cao như hạt giống, sản phẩm để xuất khẩu... thì tùy

theo chất lượng sản phẩm và những điều kiện canh tác cần thiết để bảo đảm chất lượng ấy mà quy định cho phù hợp; song, phải bảo đảm giữ được quan hệ thích đáng với những sản phẩm cùng loại, không được dùng vật tư hàng hóa để nâng giá thu mua một cách biến tướng.

Hàng năm, khi Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch thu mua cho các ngành, các địa phương thì đồng thời cũng giao chỉ tiêu về quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua (có ghi rõ phần dành để mua trong kế hoạch, trong mức nghĩa vụ ổn định và phần dành để mua ngoài kế hoạch, ngoài nghĩa vụ). Tổ chức nào có trách nhiệm thu mua loại sản phẩm gì thì tổ chức ấy được giao kế hoạch quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua loại sản phẩm ấy. Tỉnh thành phố cũng như thế đối với huyện.

Đề bảo đảm có vật tư hàng hóa trao đổi các ngành có trách nhiệm ở trung ương phải căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, ra sức phấn đấu tạo nguồn hàng và tổ chức vận chuyển, phân phối về các địa phương theo kế hoạch đã định, phục vụ kịp thời cho sản xuất và thu mua. Ngoài nguồn hàng trung ương phân phối về, các tỉnh, thành phố và quận, huyện, thị xã phải ra sức khai thác tiềm năng của địa phương, làm phong phú thêm quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua.

Phải tổ chức và quản lý thật chặt chẽ vật tư hàng hóa của Nhà nước, chống ăn cắp, móc ngoặc, để thất thoát ra ngoài, bảo đảm phân phối đúng mục đích, đúng đối tượng, kịp thời vụ, đến tay người sản xuất có quan hệ hợp đồng với Nhà nước.

3. Về cách ký hợp đồng, thanh toán hợp đồng, xử lý những vụ vi phạm hợp đồng.

a) Dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân huyện, đại diện có thẩm quyền của các tổ chức thu mua trực

tiếp ký hợp đồng hai chiều (gồm phần cung ứng vật tư hàng hóa và phần thu mua) với đại diện có thẩm quyền của các hợp tác xã sản xuất, tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất, hoặc hợp tác xã mua bán xã. Đại diện các tổ chức cung ứng vật tư, hàng hóa và vận tải ký hợp đồng kinh tế với tổ chức thu mua để cùng nhau bảo đảm thực hiện đúng các hợp đồng hai chiều đã ký với người sản xuất.

Phải tùy tình hình cụ thể của từng nơi mà lựa chọn hình thức hợp đồng thích hợp.

— Ở những nơi đã có hợp tác xã và tập đoàn sản xuất thì các tổ chức này đứng ra ký hợp đồng bán các sản phẩm của kinh tế tập thể. Hợp đồng ký cho cả năm, có chia ra từng vụ, và ký trước khi bắt tay vào sản xuất. Đối với sản phẩm của kinh tế gia đình xã viên hay của các hộ nông dân cá thể, nếu hợp tác xã hay tập đoàn sản xuất có thể thu gom được thì cũng đưa luôn vào hợp đồng. Nếu không thì tổ chức thu mua của Nhà nước phải ký hợp đồng với hợp tác xã mua bán xã, ủy thác cho tổ chức này đứng ra thu gom rồi trao đổi với Nhà nước.

— Ở những nơi Nhà nước đã giao mức nghĩa vụ ổn định trong 5 năm cho các đơn vị sản xuất thì cơ quan thu mua ký hợp đồng dài hạn để ổn định mức cung ứng tư liệu sản xuất cho người sản xuất. Để mua phần sản phẩm ngoài nghĩa vụ, hai bên ký hợp đồng bổ sung hàng năm hay từng vụ (Nhà nước cung ứng thêm tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng tương ứng với số sản phẩm bán thêm).

— Trong tình hình vật tư hàng hóa của Nhà nước chưa dồi dào, nông dân thì có nhiều nông sản hàng hóa, cần vận động nông dân ký hợp đồng dài hạn, nông dân giao sản phẩm trước, Nhà nước thanh toán một phần hợp đồng bằng vật tư hàng hóa, phần còn lại sẽ thanh toán tiếp vào các năm sau.

— Ở những nơi quan hệ sản xuất mới chưa được xây dựng vững chắc, trình độ kế hoạch hóa còn thấp, năng lực cán bộ huyện, xã có hạn, nếu xét chưa có điều kiện ký hợp đồng cho cả năm hoặc hợp đồng dài hạn thì ký hợp đồng từng vụ, về một số sản phẩm quan trọng và cũng chỉ tập trung làm ở những xã, ấp có nhiều sản phẩm hàng hóa. Nơi nào không kịp ký hợp đồng từ đầu vụ sản xuất thì đến khi thu hoạch, tạm thời có thể dùng hình thức trực tiếp trao đổi vật tư hàng hóa lấy sản phẩm, theo những điều kiện quy định cho hợp đồng hai chiều ở địa phương.

— Đối với những sản phẩm ngoài hợp đồng hoặc ở những nơi sản xuất lẻ tẻ thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán thông qua mua bán bình thường mua đứt bán đoạn theo giá thỏa thuận mà năm hàng.

b) Để gắn chặt việc cung ứng vật tư hàng hóa với việc thu mua, về nguyên tắc tổ chức thu mua đứng ra ký hợp đồng hai chiều phải nắm được các vật tư hàng hóa đưa vào hợp đồng, để bảo đảm cung ứng cho người sản xuất theo đúng hợp đồng đã ký. Trừ một vài ngành vừa làm nhiệm vụ trực tiếp cung ứng các loại tư liệu sản xuất chuyên dùng vừa trực tiếp thu mua sản phẩm như thủy sản, lâm nghiệp, các ngành thu mua khác, nói chung, chỉ nắm vật tư hàng hóa trên chỉ tiêu kế hoạch, quyết định việc phân phối cho các cơ sở sản xuất theo hợp đồng, còn vật tư hàng hóa thì vẫn do các tổ chức chuyên doanh nắm và tổ chức việc cung ứng đến người sản xuất theo kế hoạch phân phối cụ thể của các tổ chức thu mua. Không nên biến tổ chức thu mua thành một tổ chức kinh doanh tổng hợp cả mua lẫn bán đủ mọi thứ.

Riêng đối với một số xí nghiệp chế biến nông sản và một số tổ chức xuất khẩu có điều kiện nắm những tư liệu sản xuất chủ yếu để trực tiếp đầu tư cho một số vùng sản xuất tập trung, trên một số địa

bản tương đối gọn, thì có thể vừa làm nhiệm vụ thu mua, vừa nhận vật tư hàng hóa của các tổ chức cung ứng cấp I để trực tiếp tổ chức vận chuyển, bảo quản và phân phối đến tay người sản xuất.

c) Để giúp các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất có điều kiện triển khai sản xuất kịp thời vụ, loại trừ tệ cho vay lãi nặng ở nông thôn, Nhà nước thi hành chính sách cho vay vốn để mua vật tư hoặc ứng trước vật tư, đến vụ thu hoạch mới thanh toán bằng hiện vật, theo mấy cách sau đây;

— Ngân hàng trực tiếp cho những đơn vị sản xuất tập thể có tài khoản ở ngân hàng vay vốn để thanh toán cho các cơ quan cung ứng vật tư, các trạm máy kéo, trạm bơm... Sau khi thu hoạch, hợp tác xã bán sản phẩm cho cơ quan thu mua và thanh toán tay ba giữa hợp tác xã, cơ quan thu mua và ngân hàng.

— Trường hợp đơn vị sản xuất không có tài khoản ở ngân hàng thì ngân hàng cho cơ quan thu mua vay vốn để mua vật tư, ứng trước cho đơn vị sản xuất.

— Các trạm máy kéo, trạm bơm, các xí nghiệp hay tổ hợp xay xát, chế biến có ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với các cơ sở sản xuất, nói chung không lấy công bằng tiền mặt mà đến mùa lấy công bằng hiện vật; toàn bộ số hiện vật này do cơ quan thu mua nhận và thanh toán bằng tiền theo giá chỉ đạo cho xí nghiệp. Ngân hàng ứng vốn cho xí nghiệp để bảo đảm các chi phí sản xuất và trả lương công nhân. Đến vụ thu hoạch, xí nghiệp kết hợp với các cơ quan thu mua để thu hồi nợ, thanh toán tay ba giữa xí nghiệp, cơ quan thu mua và ngân hàng.

d) Về thanh toán hợp đồng, xử lý các vụ vi phạm hợp đồng.

— Việc thanh toán hợp đồng phải tiến hành cuối mỗi vụ thu mua, chú trọng cả hai mặt giá trị và hiện vật. Mọi vật tư hàng

hóa mua và bán đều theo giá chỉ đạo của Nhà nước và thanh toán tiền cho chủ hàng. Riêng về hiện vật thì tổ chức thu mua phải đứng ra thanh toán với bên ký hợp đồng. Bên nào giao thiếu thì phải ghi nợ để giao tiếp vào vụ sau.

— Bên nào vi phạm hợp đồng thì bên ấy phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế ban hành theo nghị định số 54-CP ngày 10-3-1975 của Hội đồng Chính phủ.

Đối với các vụ tranh chấp và vi phạm hợp đồng, nếu các bên hữu quan không cùng nhau thỏa thuận được thì báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện xử lý.

Đối với những vụ vi phạm cần xử phạt nặng về kinh tế thì Ủy ban nhân dân huyện chuyển hồ sơ đến trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố.

B. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

Để bảo đảm chế độ hợp đồng hai chiều, cần chấn chỉnh tổ chức chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo hướng:

— Gán cho được hai khâu cung ứng và thu mua từ trung ương đến cơ sở, mà huyện là cấp thực hiện có vai trò đặc biệt quan trọng. Tổ chức nào có trách nhiệm thu mua, tổ chức đó phải nắm được quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua để có cơ sở ký kết và thực hiện hợp đồng. Vật tư hàng hóa nằm trong quỹ thu mua (theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước) dù do bất cứ ngành nào kinh doanh (bán buôn, bán lẻ) đều phải phục tùng sự điều động và phân phối của tổ chức thu mua được giao quỹ vật tư hàng hóa đó.

— Điều chỉnh sự phân công giữa các ngành thu mua cho hợp lý nhằm giảm bớt đầu mối giao dịch với các hợp tác xã và nông dân, tránh tình trạng cùng một mặt hàng ở cùng một địa bàn lại do nhiều

0961624

www.tienphapluoc.com

tổ chức của Nhà nước thu mua. Thực hiện rộng rãi việc ngành nợ đại lý mua cho ngành kia, hợp tác xã mua bán xã nhận ủy thác mua cho các tổ chức quốc doanh.

— Tôn trọng sự phân công chuyên môn hóa của các ngành và các tổ chức kinh doanh, đồng thời phát huy vai trò chỉ đạo tập trung thống nhất, điều hòa phối hợp của Ủy ban nhân dân các cấp, nhất là cấp huyện nhằm bảo đảm thực hiện đúng những cam kết của các tổ chức kinh tế Nhà nước với những người sản xuất tập thể và cá thể.

1. Về phân công thu mua giữa các ngành.

— Ngành lương thực mua lương thực và nhập kho thóc thuế nông nghiệp. Ngành tài chính chịu trách nhiệm thu thuế nông nghiệp và nợ thuế nông nghiệp.

— Nội thương và ngoại thương mua các loại nông sản để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu theo sự phân công cụ thể về mặt hàng và về địa bàn do hai Bộ thỏa thuận. Đối với những mặt hàng liên quan đến phạm vi kinh doanh của một Bộ khác thì hai Bộ bàn thêm với Bộ đó để quy định cụ thể.

— Y tế mua dược liệu (trừ hồi, quế vẫn do ngoại thương mua và giao lại một phần cho y tế theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước).

— Các xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp (công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm), mua nguyên liệu ở những vùng sản xuất tập trung được quy hoạch làm vùng nguyên liệu cho xí nghiệp.

— Lâm nghiệp mua các loại lâm sản chính (gỗ, củi, tre, nứa, nhựa thông, cánh

kiến...), còn những loại khác do ngoại thương, nội thương, y tế, công nghiệp nhẹ trực tiếp mua dưới sự kiểm soát và hướng dẫn của ngành lâm nghiệp.

— Nông nghiệp mua các loại hạt giống, cây giống, con giống. Riêng về tơ tằm, trước nay vẫn do ngành nông nghiệp mua để giao cho ngoại thương xuất khẩu thì nay giao cho các tỉnh, thành phố mua để xuất khẩu. Những thứ không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu thì sử dụng tại địa phương.

— Thủy sản mua các loại hải sản ở những nơi mà ngành thủy sản nhận trách nhiệm mua. Ở những nơi khác, nội thương mua. Nội thương trực tiếp nhận các loại hải sản chế biến của các tổ chức thu mua cơ sở của ngành thủy sản tại nơi phát luồng bán buôn (không qua bất cứ một khâu trung gian nào khác) để phân phối bán buôn và bán lẻ. Bộ Thủy sản tiếp tục tổ chức vận chuyển và cung cấp cá tươi cho Hà Nội và cho quân đội.

— Ở những nơi đã có Chi cục muối (Nghệ Tĩnh, Hà Nam Ninh) thì Chi cục muối tổ chức thu mua ở đồng muối giao cho ngành nội thương, công nghiệp hóa chất... tại các điểm giao nhận ở nơi sản xuất. Tại các đồng muối khác, ngành nội thương trực tiếp mua và tổ chức bán buôn, bán lẻ.

— Các tổ chức kinh tế quốc doanh và hợp tác xã chỉ được thu mua trong phạm vi những mặt hàng và những địa bàn được phân công và phải chịu sự kiểm soát của Ủy ban nhân dân và cơ quan quản lý hành chính thương nghiệp các cấp về mặt chấp hành các chính sách của Nhà nước về thu mua, giá cả và quản lý thị trường.

2. Về tổ chức chỉ đạo:

— Ở trung ương, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng phân công đồng chí Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phụ trách phân phối lưu thông trực tiếp chỉ đạo công tác hợp đồng hai chiều (bao gồm cả việc thống nhất quản lý và điều động quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua).

Tất cả các Bộ, Tổng cục có liên quan đến thu mua và cung ứng theo hợp đồng hai chiều phải phân công một đồng chí thứ trưởng phụ trách công tác này.

— Ở cấp tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân chỉ đạo công tác này gắn liền với chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước ở địa phương. Cần phân công đồng chí phó chủ tịch phụ trách phân phối lưu thông trực tiếp chỉ đạo.

— Ở cấp huyện, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo toàn diện công tác hợp đồng kinh tế hai chiều trên địa bàn huyện. Cần phân công đồng chí phó chủ tịch phụ trách phân phối lưu thông trực tiếp chỉ đạo. Ban thương nghiệp — vật tư — đời sống phối hợp chặt chẽ với Ban kế hoạch và ban nông nghiệp huyện, giúp Ủy ban chỉ đạo việc ký kết và thực hiện hợp đồng, gắn chặt ba khâu sản xuất, cung ứng và thu mua.

— Ở xã, Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng hai chiều trong phạm vi xã, kịp thời phát hiện với huyện những khó khăn, mắc mứu để huyện xử lý.

3. Về tổ chức bảo đảm thực hiện.

Các tổ chức cung ứng và thu mua trên địa bàn huyện cần được chấn chỉnh và

tăng cường theo hướng gom bó đầu mối lại.

Những ngành có khối lượng thu mua không lớn, không thường xuyên (hoặc ở những nơi có khối lượng thu mua không lớn, không thường xuyên) thì không nên tổ chức trạm thu mua đến huyện mà ủy thác cho công ty thương nghiệp huyện làm đại lý mua cho mình.

Các tổ chức cung ứng, thu mua, tài chính, ngân hàng và giao thông vận tải ở huyện cần phối hợp chặt chẽ để bố trí hợp lý mạng lưới các cửa hàng và trạm thuận tiện cho việc thực hiện hợp đồng hai chiều.

Tất cả các địa phương cần phải củng cố và phát triển mạng lưới hợp tác xã mua bán xã, tận dụng mạng lưới này làm đại lý bán và nhận ủy thác mua cho quốc doanh các sản phẩm của kinh tế gia đình xã viên và của kinh tế cá thể.

Hội đồng bộ trưởng yêu cầu các Bộ, Tổng cục, các Ủy ban Nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp nghiên cứu kỹ nghị quyết này và có kế hoạch triển khai càng sớm càng tốt việc ký hợp đồng hai chiều đối với tất cả các loại nông, lâm, thủy sản chủ yếu.

Các quyết định trước đây trái với nghị quyết này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

ĐỊNH MỨC vật tư, hàng hóa cung ứng cho một tấn sản phẩm bán cho Nhà nước.

ban hành kèm theo nghị quyết số 187-HĐBT ngày 22-11-1982 của Hội đồng bộ trưởng).

— Đơn vị tính vật tư, hàng hóa : kilôgam.

— A : các tỉnh miền Bắc.

— B : các tỉnh miền Nam.

Sản phẩm bán cho Nhà nước (tấn)	Phân đạm (SA)	Phân lân	Phân ka-li	Thuốc trừ sâu	Xăng dầu (B)	Than	Đường	Lương thực (2)	Ghi chú
1. Lúa (1)	400	120							Thêm công cày bừa bằng máy và thủy lợi phí trên 1 hécta gieo trồng
2. Ngô	200	60							
3. Đậu nành	100	A:600 B:350		A:10 B:20	50				
4. Đậu xanh	100			20	60				
5. Lạc vò	80	A: 300 B: 100	100	20	40				
6. Mía	10	5	4	0,3	0,8				
7. Đay bẹ	180	120					2		
8. Cói	70	45							
9. Thuốc lá (lá)	160		200	7	150	5000			
10. Thuốc lào	500			12			20		
11. Chè búp tươi	120	120	60	6	A: 2 B:12				
12. Dừa	75	50	50	6	30				
13. Chuối	100		30						
14. Dầu dừa	450		450						
15. Tơ tằm	12000	6000	3000	20	350 (dầu hòa)				

(1) Nhu cầu về chủng loại và số lượng vật tư nông nghiệp và dịch vụ kỹ thuật cho cây lúa ở mỗi vùng không giống nhau. Vì vậy có thể định mức cung ứng vật tư theo yêu cầu thực tế của mỗi vùng, mỗi hợp tác xã, miễn sao bảo đảm những quan hệ tỷ lệ cơ bản sau đây :

- 1kg u-rê = 3kg lúa.
- 1kg phân lân = 1kg lúa.
- 1 lít xăng = 4kg lúa.
- 1 lít di-ê-den = 3kg lúa.
- Công cày bừa bằng máy 1 hécta = 200kg lúa.

(2) Lương thực chỉ cung ứng cho những vùng thiếu hoặc không có lương thực, vì vậy không y định mức chung cho các vùng về từng mặt hàng nông sản.

Các ngành thu mua kết hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tính cân đối lương thực cho từng vùng, rồi dựa vào chỉ tiêu thu mua mà tính ra số lương thực cần cung ứng cho mỗi đầu tấn sản phẩm bán cho Nhà nước.

NGHỊ QUYẾT số 188-HĐBT ngày 23-11-1982 về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường.

I

Từ sau ngày miền Nam giải phóng, chúng ta đã sớm xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, thực hiện một số biện pháp hạn chế và cải tạo đối với thương nghiệp tư bản tư doanh, ra sức xây dựng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bao gồm thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tiêu thụ. Đến nay, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã có cơ sở đến các quận, huyện, phường, xã trong cả nước và đã nắm được phần lớn sản phẩm hàng hóa về những mặt hàng quan trọng nhất đối với sản xuất và đời sống.

Từ giữa năm 1980 lại đây, dưới ánh sáng của nghị quyết Trung ương lần thứ 6, của nghị quyết 26 và chỉ thị 109 của Bộ Chính trị, nhiều cải tiến trong cơ chế quản lý sản xuất và kinh doanh được thực hiện, tính tích cực năng động trong sản xuất kinh doanh được phát huy thì thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ hơn đối với sản xuất, việc thu mua nắm nguồn hàng nông sản vào tay Nhà nước mỗi năm một tăng.

Song, bên cạnh những thành tựu và tiến bộ nói trên, thị trường xã hội còn nhiều hiện tượng tiêu cực, có mặt thậm chí còn xấu đi so với mấy năm trước.

Tỷ trọng (tính theo giá so sánh) của thị trường có tổ chức giảm ở cả miền Bắc lẫn miền Nam, trong khi tỷ trọng của thị trường tự do ngày càng tăng từ 20% năm 1980, lên 30% năm 1981, lên 40% năm 1982. Mặc dù đã nắm được những sản phẩm công nghiệp chủ yếu và đại bộ phận sản phẩm hàng hóa về những mặt hàng chủ yếu của nông, lâm, ngư nghiệp, song thương nghiệp xã hội chủ nghĩa còn bỏ trống nhiều trận địa, thị trường tự do vẫn chi phối tuyệt đại bộ phận sản phẩm của tiểu, thủ công nghiệp, một phần quan trọng sản phẩm của nông, lâm, ngư nghiệp và phần lớn thị trường ăn uống công cộng và dịch vụ. Từ năm 1980 lại đây, nhập khẩu giảm, sản lượng của công nghiệp quốc doanh giảm thì lực lượng hàng hóa trong tay thương nghiệp quốc doanh giảm nhiều. Trong khi đó thì hàng nhập khẩu của tư nhân qua con đường quà biếu và hàng lậu qua biên giới tăng lên nhiều, trở thành một nguồn hàng quan trọng của thị trường tự do. Thị trường này còn được bổ sung khá nhiều bằng chính những vật tư hàng hóa của Nhà nước bị một số công ty và xí nghiệp quốc doanh đưa ra thị trường tự do bán lấy giá cao hoặc bị lấy cắp, bị tuồn ra thị trường tự do bằng nhiều con đường.

Cùng với đà phát triển của thị trường tự do, số người buôn bán tăng nhanh, phần đông không đăng ký kinh doanh và trốn thuế. Tình trạng đầu cơ, buôn lậu, kinh doanh trái phép diễn ra gần như công khai. Trên thị trường xuất hiện nhiều hàng giả, có thứ gây nguy hại đến tính mạng người dùng. Ở một số vùng nông, thôn